

Số: 1237/ĐHKTL-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v cảnh báo học tập sinh viên hệ đại học chính quy
học kỳ II năm học 2017 - 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế - Luật trên cơ sở Khoa Kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 262/ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Tp. HCM ban hành về Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ quyết định số 789/QĐ-ĐHKTL ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Tp. HCM ban hành về Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ kết quả học tập học kỳ II năm học 2017 - 2018 của sinh viên và kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét học tiếp, cảnh báo học tập, đình chỉ học tập và xóa tên khỏi danh sách đối với sinh viên hệ đại học chính quy trong phiên họp ngày 01/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cảnh báo học tập 75 sinh viên hệ đại học chính quy (danh sách đính kèm).

Điều 2. Thời gian cảnh báo học tập kéo dài trong 1 học kỳ chính tiếp theo (HK1 năm học 2018 - 2019). Sinh viên sẽ được xóa tên trong danh sách cảnh báo học tập, nếu có kết quả học tập ở cuối kỳ tiếp theo không vi phạm Điều 31 và Điều 32 quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các Phòng, Khoa có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, PĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KINH TẾ - LUẬT
Lê Tuấn Lộc

**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC DIỆN CẢNH BÁO HỌC TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2017 - 2018**

(Đính kèm QĐ 157 QĐ/ĐHKTL-ĐT ngày 18 tháng 10 năm 2018)

STT	MÃ LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GHI CHÚ
1	K15401	K154010003	VÕ THỊ HẠNH	CHI	04/04/1997	
2	K16401	K164010039	ĐOÀN DUY	NAM	26/02/1997	
3	K16403C	K164030429	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	18/07/1998	
4	K16401	K164010079	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	21/05/1998	
5	K16401	K164012077	NGUYỄN THỊ ĐANG	QUỲNH	10/05/1998	
6	K17401	K174010045	TRẦN THẢO	QUYÊN	23/05/1999	
7	K17403C	K174030300	NGUYỄN VŨ	TUẤN	05/01/1999	
8	K15408C	K154080845	TRẦN THỊ HỒNG	THẨM	29/07/1997	
9	K16402	K164020190	NGUYỄN HOÀNG YÊN	NHI	01/04/1998	
10	K16402	K164022094	NGUYỄN TỬ	CƯỜNG	27/02/1998	
11	K16408C	K164081182	ĐINH KHÁNH	UYÊN	26/01/1998	
12	K16402C	K164020279	NGUYỄN THỊ KHÁNH	DUNG	20/10/1998	
13	K17402	K174020088	HỒ HUY	HOÀNG	29/06/1999	
14	K17402C	K174020176	NGUYỄN QUỐC	HIỆU	04/03/1999	
15	K15404C	K154040417	TRẦN KIM	BÌNH	21/12/1997	
16	K15404C	K154040450	TRẦN KIM	TRỌNG	18/08/1997	
17	K15412	K154040322	BÙI THỊ NGỌC	HÂN	07/11/1997	
18	K16404	K164040457	ĐẶNG THANH	HÀ	17/02/1998	
19	K16404	K164040498	TRỊNH ĐỨC	LƯƠNG	04/08/1998	
20	K16404	K164042168	NGUYỄN THỊ	LINH	20/03/1998	
21	K16404	K164042169	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	20/05/1998	
22	K16404	K164042176	TRẦN NGUYỄN THỊ MỸ	NGỌC	24/04/1998	
23	K16404	K164042187	NGUYỄN VĂN	TÂN	22/11/1997	
24	K16412	K164040527	ĐỖ THỊ THANH	PHỤNG	02/11/1998	
25	K16404	K164042200	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	17/02/1998	
26	K17404A	K174040345	NGUYỄN NGỌC OANH	KIỀU	08/12/1999	
27	K15409	K154090913	PHẠM DUY KỶ	SƠN	10/01/1991	
28	K15409	K154090862	NGUYỄN VĂN HỒNG	ÂN	19/05/1997	
29	K15405	K154050478	SỬ ĐĂNG	KHOA	11/08/1997	
30	K15409	K154090927	ĐÀM TRÍ	THỨC	28/03/1997	
31	K16409	K164091295	HỒ THỊ QUỲNH	TRANG	01/01/1998	
32	K16405	K164050724	THÁI THỊ NGUYỄN	THẢO	07/09/1998	



STT	MÃ LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GHI CHÚ
33	K16405C	K164050751	NGUYỄN DUY NHẬT	LINH	01/08/1998	
34	K17405	K174050501	NÔNG THỊ	DIỆP	29/05/1998	
35	K17405C	K174050569	NGUYỄN CÔNG	HUÂN	10/07/1999	
36	K15411	K154111109	NGUYỄN THỊ	THOM	11/02/1997	
37	K16406	K164062264	HUỖNH ĐĂNG	KHOA	29/10/1998	
38	K17411	K174111280	TRƯƠNG THẾ	TRUYỀN	21/10/1998	
39	K17406	K174060633	NGUYỄN TRUNG	CANG	20/08/1999	
40	K17406C	K174060692	NGÔ BẢO	ANH	26/02/1999	
41	K15410	K154100981	NGUYỄN NGỌC ĐÔNG	ANH	24/06/1996	
42	K15410	K154101050	LÊ THỊ ÁNH	TUYẾT	05/10/1996	
43	K15407	K154070629	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	13/10/1997	
44	K16407	K164072290	TRẦN VĂN	ANH	05/09/1998	
45	K16410	K164101406	ĐINH THỊ HỒNG	NGUYỆT	27/02/1998	
46	K16407	K164072311	NGUYỄN THỊ GIẢNG	LINH	17/07/1998	
47	K16407	K164072323	DƯƠNG QUANG	PHẨM	20/01/1998	
48	K16410C	K164101463	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	DUNG	23/01/1997	
49	K16407C	K164072355	HỒNG THẾ	NGỌC	21/05/1998	
50	K17407	K174070771	NGUYỄN THỊ TUỜNG	MY	24/12/1999	
51	K17407	K174070777	NGUYỄN THỊ	NHƯ	19/03/1999	
52	K17410	K174101145	HUỖNH THỊ NGỌC	MINH	05/02/1999	
53	K17407	K174070754	NGUYỄN ĐÔNG	HIẾU	30/04/1999	
54	K17410	K174101152	TẠ THỊ	NHUNG	09/10/1999	
55	K15504	K155041497	NGUYỄN THANH	TÚ	01/10/1997	
56	K16504	K165042633	MAI THỊ HỒNG	DUNG	10/03/1998	
57	K16503C	K165031961	VÕ LÊ KHÁNH	NGỌC	12/04/1998	
58	K16503	K165032583	NGUYỄN THỊ ÁNH	HÒA	23/04/1998	
59	K16503	K165032592	VÕ TẤN	LỘC	24/07/1996	
60	K17503	K175031643	ĐẶNG NHẬT THU	TRANG	14/10/1999	
61	K17504	K175041717	NGUYỄN VŨ HOÀNG	LINH	03/04/1999	
62	K17504	K175041719	NGUYỄN TRÀ	MY	04/07/1999	
63	K17504	K175041751	PHAN NHƯ ANH	TRANG	27/11/1999	
64	K17503	K175031591	ĐẶNG CÔNG	HÙNG	05/06/1999	
65	K17503	K175031596	BÙI NGỌC KIM	KIỀU	18/01/1999	
66	K17503C	K175031654	TRẦN CHÂU HỒNG	DIỆU	07/10/1999	
67	K17503C	K175031659	TRẦN THỊ MỸ	HOÀN	01/03/1999	
68	K15501	K155011201	BÂU THỊ THU	TRANG	23/07/1997	
69	K15501	K155011166	LÊ THỊ UYÊN	MY	20/10/1997	
70	K16502C	K165021816	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	26/05/1998	

ANH PH
CỘNG
HỌC
TỔ-LUẬT
HN

ch

STT	MÃ LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GHI CHÚ
71	K17501	K175011349	LƯƠNG TRUNG	HIỆU	19/07/1997	
72	K17501C	K175011421	LÊ THỊ TRÀ	GIANG	28/07/1999	
73	K17502C	K175021460	NGUYỄN TẤN	DŨNG	12/01/1999	
74	K17502	K175021464	TRẦN VIỆT	ĐỨC	14/08/1999	
75	K17501	K175011389	NGUYỄN HỮU	THIỆN	19/11/1999	

NGƯỜI LẬP DANH
SÁCH

Châu Văn Hồ

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Cù Xuân Tiến

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Tuấn Lộc

